

Panium - Số Ba

Khải tượng và kỳ đã định: Một sự tương đồng mang tính tiên tri

Jeff Pippenger

2025-02-28

Dụ ngôn mười trình nữ được lặp lại y nguyên từng chữ trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Sách Habakkuk chương hai trình bày cốt lõi của dụ ngôn khi xác định Khải tượng nói vào thời kỳ cuối.

Ta sẽ đứng nơi chỗ gác của ta, và đứng trên tháp canh; ta sẽ trông xem Ngài sẽ nói gì với ta, và ta sẽ đáp điều chi khi ta bị quở trách. Và Chúa đáp cùng ta rằng: Hãy chép Khải tượng, và ghi rõ ràng trên các bảng, để người đọc có thể chạy. Vì Khải tượng còn cho kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ nói, không nói dối. Dầu nó chậm trễ, hãy đợi chờ nó; vì chắc chắn nó sẽ đến, chẳng chậm trễ. Kia, linh hồn nào tự cao thì không ngay thẳng trong người ấy; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Ha-ba-cúc 2:1-4.

Câu 27 của chương 11 sách Đa-ni-ên cũng chỉ ra "kỳ đã định".

Và lòng của cả hai vua này đều nhằm làm điều ác, và họ sẽ cùng ngồi một bàn mà nói lời dối trá; nhưng điều ấy sẽ chẳng thành công, vì kỳ cuối cùng vẫn sẽ đến vào thời điểm đã định. Daniel 11:27.

"Khải tượng" được La Mã thiết lập là cho "một kỳ đã định", và hai vua, lòng toan làm điều ác và nói dối khi cùng ngồi chung một bàn, xác định một dấu mốc tiên tri đến trước khi Khải tượng "lên tiếng." Trước kỳ đã định, hai vua nói những "lời dối trá", và khi Khải tượng lên tiếng vào kỳ đã định, thì không dối trá. Kỳ đã định ấy là luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ, và cuộc gặp gỡ tại bàn đánh dấu sự khởi đầu của một thời kỳ tiên tri. "Khải tượng" được ứng nghiệm trong lịch sử vào thời điểm luật Chủ nhật, nhưng nó được thiết lập trước luật Chủ nhật. Điều này là rõ ràng, vì những người trung tín được bảo phải chờ đợi Khải tượng, và họ được bảo phải công bố Khải tượng. Họ không thể công bố nó trước khi Khải tượng ứng nghiệm nếu Khải tượng chưa được thiết lập.

Jeremiah đại diện cho những người "chờ đợi" Khải tượng:

Lạy Đức Giê-hô-va, Ngài biết: xin nhớ đến con, thăm viếng con, và báo thù cho con đối với những kẻ bắt bớ con; xin đừng cất con đi trong sự nhẫn nại của Ngài; xin biết rằng vì có Ngài con đã chịu sỉ nhục. Con tìm được lời Ngài, và con đã ăn lấy; lời Ngài là niềm vui và sự hoan hỉ của lòng con; vì con được gọi theo danh Ngài, lạy Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời vạn quân. Con không ngồi trong hội những kẻ nhạo báng, cũng chẳng chung vui; con ngồi một mình vì tay Ngài ở trên con, vì Ngài đã làm con đầy phẫn nộ. Có sao nổi đau của con cứ dai dẳng, và vết thương của con không thể chữa, chẳng chịu lành? Há Ngài sẽ trở nên đối với con như kẻ dối trá, như dòng nước cạn khô? Vì vậy Đức Giê-hô-va phán như vậy: Nếu người trở lại, thì Ta sẽ đem người trở lại, và người sẽ đứng trước mặt Ta; nếu người tách điều quý ra khỏi điều hèn hạ, người sẽ như miệng Ta. Hãy để họ trở lại với người; còn người chớ trở lại với họ. Ta sẽ làm cho người trước mặt dân này như một bức tường đồng kiên cố; họ sẽ chiến đấu chống lại

ngươi, nhưng sẽ không thắng được ngươi; vì Ta ở cùng ngươi để cứu và giải thoát ngươi, Đức Giê-hô-va phán. Ta sẽ giải cứu ngươi khỏi tay kẻ ác, và sẽ chuộc ngươi khỏi tay kẻ hung bạo. Giê-rê-mi 15:15-21.

Luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ là nơi ghi dấu biểu tượng của “sự ghi nhớ”. Chính tại đó, ngày Sa-bát vốn luôn phải được ghi nhớ trở thành vấn đề thử thách sau cùng. Chính tại đó, dân phụ Ty-rơ, kẻ đã bị quên lãng, được nhớ lại. Cũng tại đó, Đức Chúa Trời nhớ đến tội lỗi của Ba-by-lôn và giáng trên nó sự phán xét gấp đôi.

Mốc nơi “nói” xuất hiện là luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ, vì tại đó con thú từ đất “nói” như một con rồng. Cũng tại mốc ấy, con lừa trong mạch tiên tri của Ba-la-am “nói”. Khi Giăng Báp-tít chào đời, cha ông là Xa-cha-ri, người đã bị Đức Chúa Trời ngăn cấm không cho nói, “nói”.

Và xảy ra rằng, đến ngày thứ tám họ đến để làm lễ cắt bì cho đứa trẻ; và họ gọi nó là Xa-cha-ri, theo tên cha nó. Nhưng mẹ nó đáp: Không phải vậy; nhưng nó sẽ được gọi là Giăng. Họ nói với bà: Trong bà con của bà chẳng có ai được gọi bằng tên này. Rồi họ ra hiệu cho cha nó, hỏi ông muốn đặt tên nó là gì. Ông xin một tấm bảng để viết, và viết: Tên nó là Giăng. Ai nấy đều kinh ngạc. Ngay lập tức miệng ông mở ra, lưỡi ông được tháo gỡ, và ông nói, ngợi khen Đức Chúa Trời. Lu-ca 1:59-64.

Khi luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ, vết thương chí tử của chế độ giáo hoàng được chữa lành, và nó trở thành vương quốc thứ tám, “thuộc về bảy”, khi mà tại Hoa Kỳ, tổng thống của nước này, Donald Trump, là vị tổng thống thứ tám “thuộc về bảy”. Cùng thời điểm ấy, một trăm bốn mươi bốn nghìn được giương lên làm cờ hiệu. Một trăm bốn mươi bốn nghìn là hội thánh thứ tám, “thuộc về bảy”. Tại luật Chủ nhật, con số tám được đánh dấu, và chính vào ngày thứ tám Giăng chịu cắt bì và Xa-cha-ri lên tiếng. Xa-cha-ri có nghĩa là Đức Chúa Trời đã “nhớ”. Luật Chủ nhật là sự giả mạo của ngày Sa-bát chân thật vốn phải được “nhớ”. Tại luật Chủ nhật, gái điếm của Ty-rơ được “nhớ”. Chính tại luật Chủ nhật mà Đức Chúa Trời “nhớ” các tội lỗi của Ba-by-lôn và nhân đôi án phạt dành cho nó.

Giê-rê-mi tiêu biểu cho những người đã trải qua nỗi thất vọng đầu tiên và chờ đợi khái tượng còn trì hoãn. Ông tiêu biểu cho những người trung tín trở nên miệng của Đức Chúa Trời vào thời kỳ đã định khi khái tượng cất tiếng và không nói dối. Khái tượng cất tiếng vào thời kỳ đã định ấy được báo trước bởi việc hai vua ngồi chung một bàn và nói dối lẫn nhau. Sự kiện đó xảy ra trước luật Chủ nhật, vì thể diễn ra trong lịch sử của Panium như được trình bày trong các câu mười ba đến mười lăm, tức là cùng thời kỳ khi những "kẻ cướp bóc dân chúng" thiết lập "khái tượng".

Trong thời ấy sẽ có nhiều người đứng lên chống lại vua phương nam; cả những kẻ cướp trong dân ngươi cũng sẽ tự tôn mình lên để làm cho khái tượng được ứng nghiệm; nhưng rồi chúng sẽ thất bại. Đa-ni-ên 11:14.

“Những kẻ cướp” là Rô-ma, và Rô-ma trong những ngày sau rốt là Công giáo. Giáo hoàng thiết lập khái tượng, và ông làm điều đó trong giai đoạn ngay trước luật ngày Chủ nhật. Ông làm như vậy bằng cách can thiệp vào trận chiến Panium, nơi Trump thắng Putin. Trận chiến diễn ra vào năm 200 TCN, cùng năm mà Rô-ma ngoại giáo bước vào lịch sử tiên tri. Pompey Cả chinh phục Giê-ru-sa-lem vào năm 63 TCN. Sự kiện này xảy ra trong chiến dịch của ông ở phương Đông, khi

ông can thiệp vào cuộc nội chiến giữa hai anh em nhà Hasmonean là Hyrcanus II và Aristobulus II. Pompey đứng về phía Hyrcanus II, bao vây Giê-ru-sa-lem và cuối cùng chiếm được thành sau ba tháng vây hãm. Điều này đánh dấu sự chấm dứt nền độc lập của Giu-đê và sự khởi đầu của quyền kiểm soát Rô-ma đối với khu vực, nơi về sau trở thành một tỉnh dưới sự cai trị của Rô-ma.

Trước luật Chủ nhật, giáo hoàng can thiệp vào lịch sử liên quan đến trận Panium. Khi ông bước vào lịch sử tiên tri, sự xuất hiện của ông xác lập khái tượng; khái tượng sẽ còn “nói” vào “thì đã định” của luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ. “Khái tượng” đã chậm trễ ấy chính là lời dự đoán thất bại đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ chậm trễ trong dụ ngôn mười trinh nữ. Nó cũng đánh dấu sự xuất hiện của thiên sứ thứ hai trong ba thiên sứ ở Khải Huyền mười bốn. Một lời dự đoán thất bại đã mở ra một thời kỳ chờ đợi, và một lời khích lệ hãy “chờ đợi” sự ứng nghiệm của nó, cho dù nó chậm trễ.

Trong lịch sử Millerite, thời kỳ trì hoãn đã kết thúc tại cuộc nhóm trại Exeter từ ngày 12 đến ngày 17 tháng 8 năm 1844. Một sự thất vọng do một lời dự đoán thất bại gây ra đã mở ra một thời kỳ chờ đợi nhằm hoàn thiện tính cách trong hai hạng trinh nữ, tiếp theo là lời giải thích về dự đoán đã thất bại trước đó. Lời giải thích tại Exeter nêu rõ những chi tiết gắn liền với khái tượng khi nó được ứng nghiệm. Những đặc điểm tương tự có thể được ghi nhận trong Ma-thi-ơ chương mười sáu, khi Đấng Christ dẫn các môn đồ đến Caesarea Philippi. Từ thời điểm đó trở đi, Đấng Christ trực tiếp dạy các môn đồ điều gì sẽ xảy ra tại thập tự giá.

Từ bây giờ, Chúa Giê-su bắt đầu tỏ cho các môn đồ biết rằng Ngài phải lên Giê-ru-sa-lem, chịu nhiều đau khổ bởi các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo, bị giết, và đến ngày thứ ba sẽ sống lại. Ma-thi-ơ 16:21.

Cần lưu ý rằng câu vừa trích nằm giữa việc Đức Giê-su xác nhận rằng Phê-rô đã được Đức Thánh Linh hướng dẫn khi ông tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống. Rồi khi Đấng Christ bắt đầu dạy họ về thập tự giá sắp đến, Phê-rô chống đối sứ điệp ấy và Đấng Christ gọi Phê-rô là Sa-tan. Sứ điệp được mở án khi khái tượng được thiết lập tạo ra hai hạng người thờ phượng, cả hai đều được Phê-rô đại diện.

Caesarea Philippi chính là Panium, và cả hai đều dẫn tới các thời điểm đã định: thập tự giá trong dòng lịch sử của Đấng Christ, ngày 22 tháng 10 năm 1844 trong lịch sử phái Miller, và đạo luật Chủ nhật ngày nay. Panium, Caesarea Philippi và đại hội trại Exeter là cùng một mốc tiên tri. Chính tại mốc này, khái tượng được xác lập với việc đưa giáo hoàng vào trong tường thuật. Việc xác lập khái tượng đi trước thời điểm đã định, vì Caesarea Philippi đi trước thập tự giá, đại hội trại Exeter đi trước ngày 22 tháng 10 năm 1844, và Panium vào năm 200 TCN đi trước việc Pompey chinh phục Giê-ru-sa-lem vào năm 63 TCN. Vào một thời điểm nào đó trước đạo luật Chủ nhật tại Hoa Kỳ, giáo hoàng, người là con điểm của Ty-ơ, sẽ công khai bước vào lịch sử tiên tri. Khi điều đó xảy ra, khái tượng được xác lập.

Khái tượng được thiết lập trong cuộc chiến ủy nhiệm thứ ba của chương mười một. Cuộc chiến ủy nhiệm đầu tiên minh họa cho cuộc chiến ủy nhiệm cuối cùng, vì vậy cuộc chiến ủy nhiệm cuối cùng sẽ mang những đặc điểm tiên tri giống như cuộc chiến đầu tiên. Vua phương Nam, được đại diện bởi cái tên Vladimir, có nghĩa là “người cai trị cộng đồng”, bị quét sạch thông qua một liên minh giữa Giáo hoàng và Tổng thống Hoa Kỳ. Vị giáo hoàng sau cùng sẽ là người thứ tám thuộc

về bảy để ứng nghiệm Sách Khải Huyền chương mười bảy, và vị tổng thống sau cùng cũng sẽ là người thứ tám thuộc về bảy; tiêu kỳ của một trăm bốn mươi bốn nghìn cũng vậy.

Mối quan hệ giữa giáo hoàng và tổng thống lúc ban đầu là một “liên minh bí mật”, và liên minh của vị tổng thống thứ tám và cuối cùng với giáo hoàng cũng sẽ “bí mật”, vì trong giai đoạn này dân phụ của Ty-ơ theo lời tiên tri bị “quên lãng”. Liên minh giữa Reagan và Giáo hoàng Gioan Phaolô II là bí mật, nhưng đồng thời giáo hoàng lại trở thành gương mặt dễ nhận ra nhất trên thế giới. Điều bị “quên lãng” liên quan đến dân phụ Ty-ơ, kẻ gian dân với mọi vua trên đất, là một đặc điểm cụ thể của chế độ giáo hoàng, vốn gộp mọi tội lỗi của bà vào một loại hình phản nghịch duy nhất. Đặc điểm đó là tuyên bố về tính “bất khả ngộ” của Giáo hội Công giáo. Sự thật này quan trọng đến nỗi tôi sẽ kết thúc bài viết này bằng một chương của Bà White. Chúng ta sẽ tiếp tục những dòng này trong bài kế tiếp, nhưng khi bạn đọc chương sau đây từ The Great Controversy, hãy nhớ rằng hầu như mọi thành viên nội các của Trump đều là người Công giáo Rôma, với sự pha trộn của phong trào Ngũ Tuần và ảnh hưởng thường trực từ Franklin Graham, người gần đây đã kêu gọi những lời cầu nguyện công khai cho kẻ Phản Kitô theo lời tiên tri Kinh Thánh.

Tự do lương tâm bị đe dọa

Ngày nay, La Mã giáo được người Tin Lành nhìn nhận với thiện cảm lớn hơn nhiều so với trước kia. Ở những quốc gia nơi Công giáo không nắm thế thượng phong, và những người theo giáo hoàng đang theo đuổi đường lối hòa hoãn để giành ảnh hưởng, người ta ngày càng dừng dung đối với những giáo lý phân rẽ các giáo hội Cải chánh với hệ thống phẩm trật Giáo hoàng; quan điểm đang ngày càng lan rộng rằng, rốt cuộc thì chúng ta không khác biệt quá xa về những điểm cốt yếu như vãn tượng, và rằng chỉ cần một chút nhượng bộ từ phía chúng ta sẽ đưa chúng ta đến sự hiểu biết tốt đẹp hơn với Rôma. Đã có thời người Tin Lành rất coi trọng tự do lương tâm vốn đã phải trả giá đắt mới có được. Họ dạy con cái mình ghê tởm giáo hoàng giáo và cho rằng tìm kiếm sự hòa hợp với Rôma là bất trung với Đức Chúa Trời. Nhưng những tình cảm được bày tỏ ngày nay thì khác xa biết bao!

Những người bên vực quyền giáo hoàng quả quyết rằng Giáo hội đã bị bôi nhọ, và thế giới Tin Lành có xu hướng chấp nhận lời tuyên bố ấy. Nhiều người cho rằng thật bất công khi phán xét Giáo hội ngày nay dựa trên những điều ghê tởm và phi lý đã đánh dấu thời kỳ thống trị của Giáo hội suốt các thế kỷ ngu dốt và tăm tối. Họ biện hộ cho sự tàn bạo khủng khiếp của Giáo hội như là hệ quả của tính man rợ của thời đại, và viện rằng ảnh hưởng của nền văn minh hiện đại đã thay đổi quan điểm của Giáo hội.

Chẳng lẽ những người này đã quên lời tuyên bố về tính vô ngộ mà quyền lực ngạo mạn này đã đưa ra suốt tám trăm năm? Trái lại, tuyên bố ấy không những không bị từ bỏ mà còn được khẳng định trong thế kỷ mười chín với sự dứt khoát mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Khi Rôma khẳng định rằng 'giáo hội không bao giờ sai; và theo Kinh Thánh, cũng sẽ không bao giờ sai' (John L. von Mosheim, Institutes of Ecclesiastical History, quyển 3, thế kỷ II, phần 2, chương 2, mục 9, chú thích 17), thì làm sao Rôma có thể từ bỏ những nguyên tắc đã chi phối đường lối của mình trong các thời đại đã qua?

Giáo hội Rôma sẽ không bao giờ từ bỏ yêu sách về tính bất khả ngộ của mình. Tất cả những gì giáo hội đã làm trong việc bách hại những người bác bỏ các giáo điều của mình, giáo hội đều cho là đúng; và lẽ nào giáo hội lại không lặp lại những hành vi ấy nếu có cơ hội? Chỉ cần những ràng buộc hiện do các chính quyền thế tục áp đặt được dỡ bỏ và Rôma được khôi phục quyền lực như xưa, thì sự chuyên chế và bách hại của giáo hội ấy sẽ nhanh chóng hồi sinh.

"Một nhà văn nổi tiếng đã nói như sau về thái độ của hàng giáo phẩm giáo hoàng đối với tự do lương tâm, và về những hiểm họa đặc biệt đe dọa Hợp chúng quốc Hoa Kỳ do sự thành công của chính sách của họ: 'Có nhiều người có xu hướng quy bất kỳ nỗi sợ nào đối với Công giáo La Mã ở Hoa Kỳ cho thành kiến hoặc tính trẻ con. Những người như vậy không thấy có điều gì trong bản chất và thái độ của Chủ nghĩa La Mã là thù địch với các thiết chế tự do của chúng ta, hoặc không thấy điều gì đáng lo ngại trong sự lớn mạnh của nó. Vậy thì, trước hết, chúng ta hãy so sánh một số nguyên tắc nền tảng của chính phủ chúng ta với những nguyên tắc của Giáo hội Công giáo.'"

Hiến pháp Hoa Kỳ bảo đảm tự do lương tâm. Không có gì quý báu hay căn bản hơn. Đức Giáo hoàng Piô IX, trong Thông điệp ngày 15 tháng 8 năm 1854, đã nói: 'Những học thuyết vô lý và sai lầm, hoặc những lời cuồng ngôn, nhằm biện hộ cho tự do lương tâm là một sai lầm cực kỳ tai hại - một tai họa, trong số mọi tai họa, là điều đáng sợ nhất trong một nhà nước.' Cùng vị giáo hoàng ấy, trong Thông điệp ngày 8 tháng 12 năm 1864, đã tuyên bố và tuyệt thông 'những kẻ khẳng định tự do lương tâm và tự do thờ phượng tôn giáo,' cũng như 'tất cả những ai chủ trương rằng Giáo hội không được phép dùng vũ lực.'

'Giọng điệu đặc thù của Giáo hội Rôma tại Hoa Kỳ không hàm ý sự thay đổi lập trường. Giáo hội chỉ tỏ ra khoan dung ở những nơi mình bất lực. Đức Giám mục O'Connor nói: 'Tự do tôn giáo chỉ được tạm dung cho đến khi điều ngược lại có thể được thực thi mà không gây nguy hiểm cho thế giới Công giáo.'... Đức Tổng Giám mục St. Louis từng nói: 'Lạc giáo và vô tín là tội ác; và ở các quốc gia Kitô giáo, như Ý và Tây Ban Nha, chẳng hạn, nơi toàn dân đều là người Công giáo, và nơi đạo Công giáo là một phần thiết yếu của luật pháp quốc gia, chúng bị trừng phạt như các tội ác khác.'...

"Mọi hồng y, tổng giám mục và giám mục trong Giáo hội Công giáo đều tuyên thệ trung thành với giáo hoàng, trong đó có những lời sau đây: 'Những kẻ lạc giáo, những kẻ ly giáo, và những kẻ phản loạn chống lại vị chúa nói trên của chúng ta (giáo hoàng), hoặc các vị kế nhiệm đã nói trên của ngài, tôi sẽ hết sức mình bức hại và chống đối.'" - Josiah Strong, Our Country, chương 5, các đoạn 2-4.

Đúng là có những Cơ Đốc nhân thật trong Giáo hội Công giáo Rôma. Hàng ngàn người trong giáo hội ấy đang hầu việc Đức Chúa Trời theo ánh sáng tốt nhất mà họ có. Họ không được phép tiếp cận Lời của Ngài, nên họ không nhận biết lẽ thật. Họ chưa từng thấy sự tương phản giữa sự hầu việc sống động từ tấm lòng và một chuỗi những hình thức, nghi lễ thuần túy bề ngoài. Đức Chúa Trời nhìn những linh hồn này với lòng thương xót dịu dàng, vì họ đã được dạy dỗ trong một đức tin mê lầm và không thỏa lòng. Ngài sẽ khiến những tia sáng xuyên thấu bóng tối dày đặc bao trùm họ. Ngài sẽ tỏ cho họ lẽ thật như ở trong Chúa Giê-su, và nhiều người sẽ còn đứng vào hàng ngũ với dân sự của Ngài.

Thế nhưng, với tư cách là một hệ thống, Công giáo Rôma hiện nay cũng không hòa hợp với phúc âm của Đấng Christ hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó trong lịch sử của mình. Các hội thánh Tin Lành đang ở trong bóng tối lớn; nếu không, họ đã nhận ra các dấu hiệu của thời thế. Giáo hội Rôma có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong các kế hoạch và phương thức hoạt động của mình. Giáo hội đang sử dụng mọi phương kế để mở rộng ảnh hưởng và gia tăng quyền lực, chuẩn bị cho một cuộc xung đột dữ dội và quyết liệt nhằm giành lại quyền kiểm soát thế giới, tái lập sự bất bớ, và phá bỏ tất cả những gì mà Phong trào Tin Lành đã gây dựng. Công giáo đang chiếm ưu thế ở khắp nơi. Hãy nhìn số lượng ngày càng tăng các nhà thờ và nhà nguyện của họ ở các quốc gia Tin Lành. Hãy nhìn sự phổ biến của các trường cao đẳng và chủng viện của họ tại Hoa Kỳ, được người Tin Lành bảo trợ rộng rãi. Hãy nhìn sự phát triển của chủ nghĩa nghi lễ ở Anh và những trường hợp thường xuyên bỏ sang hàng ngũ Công giáo. Những điều ấu trĩ ra phải đánh thức mỗi lo ngại nơi tất cả những ai trân trọng các nguyên tắc thuần khiết của phúc âm.

Người Tin Lành đã dây dưa và dung túng cho đạo Giáo hoàng; họ đã đưa ra những thỏa hiệp và nhượng bộ đến mức chính những người theo đạo Giáo hoàng cũng ngạc nhiên khi chứng kiến và không sao hiểu nổi. Người ta đang nhắm mắt trước bản chất thật của La Mã giáo và những hiểm họa phải lo ngại từ quyền tối thượng của nó. Dân chúng cần được đánh thức để chống lại sự lấn tới của kẻ thù nguy hiểm nhất đối với tự do dân sự và tự do tôn giáo này.

Nhiều tín hữu Tin Lành cho rằng đạo Công giáo kém hấp dẫn và việc thờ phượng của họ chỉ là một chuỗi nghi lễ tẻ nhạt, vô nghĩa. Ở đây họ đã lầm. Dù La Mã giáo được đặt nền trên sự dối trá, nó không phải là một trò bịp bợm thô thiển và vụng về. Phụng vụ của Giáo hội La Mã là một nghi lễ hết sức ấn tượng. Sự phô diễn lộng lẫy và các nghi thức trang nghiêm của nó mê hoặc các giác quan của dân chúng và làm im bật tiếng nói của lý trí và lương tâm. Con mắt bị cuốn hút. Những nhà thờ nguy nga, các cuộc rước trang trọng, bàn thờ mạ vàng, điện thờ nạm ngọc, những bức họa quý và các tác phẩm điêu khắc tinh xảo khơi dậy lòng yêu cái đẹp. Đôi tai cũng bị mê hoặc. Âm nhạc thì không gì sánh kịp. Những âm sắc phong phú của cây đàn organ trầm ấm, hòa cùng giai điệu của nhiều giọng hát khi dâng trào qua các mái vòm cao vút và những dãy hành lang có hàng cột của các nhà thờ chính tòa tráng lệ của họ, không thể không gây ấn tượng trong tâm trí bằng sự kính sợ và tôn kính.

Sự lộng lẫy, phô trương và nghi lễ bề ngoài, vốn chỉ nhạo báng những khát khao của linh hồn đau bệnh vì tội lỗi, là bằng chứng của sự bại hoại nội tâm. Đạo của Đấng Christ không cần những hấp lực như thế để được đề cao. Trong ánh sáng chiếu từ thập tự giá, Cơ Đốc giáo chân chính hiện ra tinh tuyền và đẹp đẽ đến nỗi không một sự trang hoàng bề ngoài nào có thể làm tăng giá trị thật của nó. Ấy là vẻ đẹp của sự thánh khiết, là tâm thần nhu mì và yên lặng, điều quý giá trước mặt Đức Chúa Trời.

Sự rục rịch của phong cách không nhất thiết là dấu hiệu của tư tưởng thuần khiết, cao thượng. Những quan niệm cao siêu về nghệ thuật, sự tinh luyện tinh tế của thị hiếu, thường tồn tại trong những tâm trí trần tục và cảm dục. Chúng thường được Sa-tan lợi dụng để khiến con người quên đi những nhu cầu thiết yếu của linh hồn, đánh mất tầm nhìn về tương lai, về sự sống bất tử, quay lưng với Đấng Trợ Giúp vô hạn của mình, và chỉ sống cho thế gian này mà thôi.

Một tôn giáo chỉ thiên về bề ngoài hấp dẫn đối với tâm lòng chưa được đổi mới. Sự phô trương và các nghi lễ của việc thờ phượng Công giáo có một sức quyến rũ, mê hoặc, bởi đó nhiều người bị lừa dối; và họ dần xem Giáo hội La Mã như chính cổng vào thiên đàng. Chỉ những ai đã đặt vững chân trên nền tảng của lẽ thật và có tâm lòng được Thánh Linh của Đức Chúa Trời đổi mới mới có thể đứng vững trước ảnh hưởng của Giáo hội ấy. Hàng nghìn người không có sự hiểu biết mang tính kinh nghiệm về Đấng Christ sẽ bị dẫn dắt chấp nhận các hình thức của sự tin kính mà không có quyền năng. Một tôn giáo như thế chính là điều mà đám đông mong muốn.

Lời khẳng định của Giáo hội về quyền tha tội khiến người theo Công giáo La Mã cảm thấy mình được tự do phạm tội; và lễ nghi xưng tội—mà nếu không có thì Giáo hội không ban sự tha thứ—cũng có xu hướng mở đường cho điều ác. Kẻ quỳ trước một con người sa ngã và mở ra trong lời xưng tội những ý nghĩ và tưởng tượng kín ẩn của lòng mình là đang hạ thấp phẩm giá con người của mình và làm đồi bại mọi khuynh hướng cao quý của linh hồn. Khi bày tỏ những tội lỗi trong đời mình cho một linh mục—một phạm nhân lầm lạc, tội lỗi, và quá thường khi bị rệu rã và truy lục làm bại hoại—chuẩn mực về nhân cách của người ấy bị hạ thấp, và hậu quả là người ấy bị ô uế. Quan niệm của người ấy về Đức Chúa Trời bị hạ xuống cho giống với nhân loại sa ngã, vì linh mục đứng như là đại diện của Đức Chúa Trời. Sự xưng tội hạ nhục giữa người với người này là nguồn mạch kín từ đó đã tuôn ra phần lớn điều ác đang làm ô uế thế gian và chuẩn bị nó cho sự hủy diệt sau cùng. Tuy vậy, đối với kẻ ưa nuông chiều bản thân, xưng tội với một phạm nhân đồng loại dễ chịu hơn là mở linh hồn ra với Đức Chúa Trời. Bàn tánh con người dễ chấp nhận việc làm việc đền tội hơn là từ bỏ tội lỗi; dễ hành xác bằng áo vải thô, cây tầm ma và xiềng xích đau buốt hơn là đóng đinh các dục vọng xác thịt. Ách mà lòng xác thịt sẵn sàng mang lấy thật nặng nề, miễn là khỏi cúi mình dưới ách của Đấng Christ.

Giữa Giáo hội Rôma và Giáo hội Do Thái vào thời kỳ Đấng Christ giáng lâm lần thứ nhất có một sự tương đồng đáng kinh ngạc. Trong khi người Do Thái ngấm ngấm chà đạp mọi nguyên tắc của luật pháp Đức Chúa Trời, thì bề ngoài họ lại nghiêm ngặt trong việc giữ các điều răn của luật ấy, chất lên nó những đòi hỏi khắt khe và những truyền thống khiến sự vâng phục trở nên đau đớn và nặng nề. Cũng như người Do Thái tự xưng tôn kính luật pháp, những người theo Giáo hội Rôma cũng tuyên bố tôn kính thập tự giá. Họ tôn cao biểu tượng về những đau khổ của Đấng Christ, nhưng trong đời sống, họ chối bỏ chính Đấng mà biểu tượng ấy đại diện.

Những người theo Giáo hoàng đặt thánh giá trên các nhà thờ của họ, trên các bàn thờ của họ, và trên y phục của họ. Khắp nơi đều thấy biểu tượng của thánh giá. Khắp nơi nó được tôn kính và đề cao bề ngoài. Nhưng các giáo huấn của Đấng Christ bị chôn vùi dưới một đồng truyền thống vô nghĩa, những cách giải thích sai lạc và những đòi hỏi khắt khe. Lời của Đấng Cứu Thế về những người Do Thái cố chấp lại càng đúng hơn đối với các nhà lãnh đạo của Giáo hội Công giáo La Mã: “Họ buộc những gánh nặng nặng nề, khó mang và đặt trên vai người ta; nhưng chính họ thì không muốn động đến chúng dù chỉ bằng một ngón tay.” Ma-thi-ơ 23:4. Những linh hồn có lương tâm bị giữ trong nỗi kinh hoàng thường trực, sợ cơn thịnh nộ của một Đức Chúa Trời bị xúc phạm, trong khi nhiều chức sắc của giáo hội lại sống trong xa hoa và khoái lạc xác thịt.

Việc thờ lạy hình tượng và thánh tích, sự kêu cầu các thánh, và sự đề cao giáo hoàng là những mưu kế của Sa-tan nhằm lôi kéo tâm trí của dân chúng rời khỏi Đức Chúa Trời và Con Ngài. Để đưa họ đến chỗ diệt vong, hắn cố gắng chuyển hướng sự chú ý của họ khỏi Đấng mà chỉ qua Ngài họ mới có thể tìm được sự cứu rỗi. Hắn sẽ hướng họ đến bất cứ đối tượng nào có thể thay thế cho Đấng đã phán: “Hỡi những ai lao khổ và mang gánh nặng nề, hãy đến cùng Ta, Ta sẽ cho các ngươi được yên nghỉ.” Ma-thi-ơ 11:28.

Đó là nỗ lực không ngừng của Sa-tan nhằm xuyên tạc bản tính của Đức Chúa Trời, bản chất của tội lỗi, và những vấn đề cốt lõi đang được đặt lên bàn cân trong cuộc đại tranh chiến. Ngay biện của hắn làm giảm nhẹ nghĩa vụ đối với luật pháp của Đức Chúa Trời và cho con người cái cớ để phạm tội. Đồng thời, hắn khiến họ nuôi dưỡng những quan niệm sai lầm về Đức Chúa Trời, đến nỗi họ xem Ngài với nỗi sợ hãi và thù ghét hơn là bằng tình yêu. Sự tàn ác vốn có trong bản tính của hắn được gán cho Đấng Tạo Hóa; nó được thể hiện trong các hệ thống tôn giáo và bộc lộ qua các hình thức thờ phượng. Như thế, tâm trí loài người bị mù lòa, và Sa-tan lôi kéo họ làm tay sai cho mình để gây chiến chống lại Đức Chúa Trời. Bởi những quan niệm xuyên tạc về các thuộc tính của Đức Chúa Trời, các dân ngoại đã bị dẫn dắt tin rằng những tế lễ bằng mạng người là cần thiết để chiếm được sự ưu ái của Thần; và những sự tàn bạo kinh khủng đã được thực hiện dưới nhiều hình thức thờ hình tượng.

Giáo hội Công giáo La Mã, pha trộn các hình thức của ngoại giáo và Kitô giáo, và, giống như ngoại giáo, xuyên tạc bản tính của Đức Chúa Trời, đã viện đến những thực hành không kém phần tàn bạo và ghê tởm. Trong thời kỳ Rôma nắm quyền tối thượng, đã có những dụng cụ tra tấn nhằm buộc người ta phải chấp nhận các giáo lý của bà. Có giàn hỏa thiêu cho những ai không chịu nhượng bộ trước các yêu sách của bà. Đã có những cuộc thảm sát với quy mô mà sẽ không bao giờ được biết đến cho đến khi được bày tỏ trong ngày phán xét. Các chức sắc của giáo hội, dưới quyền Sa-tan là chủ của họ, đã dày công nghĩ ra những phương cách gây ra sự tra tấn lớn nhất có thể mà không kết liễu mạng sống nạn nhân. Trong nhiều trường hợp, quá trình địa ngục ấy được lặp lại đến giới hạn tốt cùng của sức chịu đựng con người, cho đến khi sức lực tự nhiên buông xuôi, và người chịu khổ đón nhận cái chết như một sự giải thoát ngọt ngào.

Số phận của những kẻ đối nghịch Rôma là như thế. Còn đối với những người theo Rôma, kỷ luật là roi vọt, là đói khát khốn cùng, là những khổ hạnh thân xác dưới mọi hình thức có thể tưởng tượng, đến mức làm người ta rợn lòng. Để giành được ân huệ của Trời, những kẻ sám hối đã vi phạm luật của Đức Chúa Trời bằng cách vi phạm các định luật của tự nhiên. Họ được dạy phải chặt đứt những mối dây ràng buộc mà Ngài đã thiết lập để ban phúc và làm vui thỏa cuộc lữ hành trần thế của con người. Nghĩa trang nhà thờ chứa đựng hàng triệu nạn nhân, những người đã tiêu hao cả đời trong những nỗ lực vô ích nhằm khuất phục các tình cảm tự nhiên của mình, để đàn áp, vì cho là xúc phạm đến Đức Chúa Trời, mọi ý nghĩ và cảm xúc cảm thông với đồng loại.

Nếu chúng ta muốn hiểu sự tàn bạo quyết liệt của Sa-tan, được biểu hiện suốt hàng trăm năm, không phải giữa những người chưa từng nghe về Đức Chúa Trời, mà ngay tại trung tâm và khắp bề rộng của thế giới Cơ Đốc giáo, chúng ta chỉ cần nhìn vào lịch sử của Giáo hội La Mã. Thông qua hệ thống lừa dối khổng lồ này, chúa của điều ác đạt được mục đích làm mất danh

dự của Đức Chúa Trời và đem sự khốn khổ đến cho loài người. Và khi chúng ta thấy hấn thành công trong việc nguy trang chính mình và thực hiện công việc của mình qua các lãnh đạo của giáo hội, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn vì sao hấn lại có ác cảm lớn đến như vậy đối với Kinh Thánh. Nếu quyển Sách ấy được đọc, lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời sẽ được bày tỏ; người ta sẽ thấy rằng Ngài không đặt trên loài người những gánh nặng nề này. Điều duy nhất Ngài đòi hỏi là một tấm lòng tan vỡ và thống hối, một tâm linh khiêm nhường, vâng phục.

Trong đời sống của Ngài, Đấng Christ không hề nêu gương cho nam nữ tự giam mình trong các tu viện để trở nên xứng đáng với thiên đàng. Ngài chưa bao giờ dạy rằng tình yêu và lòng trắc ẩn phải bị đè nén. Lòng của Đấng Cứu Chúa tràn ngập tình yêu. Càng tiến gần đến sự trọn vẹn đạo đức, con người càng nhạy cảm, càng sắc bén trong nhận thức về tội lỗi, và càng sâu sắc trong lòng cảm thông với những người đau khổ. Giáo hoàng tự xưng là đại diện của Đấng Christ; nhưng nhân cách của ông so với Đấng Cứu Chúa của chúng ta thì thế nào? Có bao giờ người ta biết Đấng Christ bỏ tù hay đưa ai lên giàn tra tấn vì họ không bày tỏ sự tôn kính Ngài như Vua trên trời không? Có bao giờ nghe tiếng Ngài kết án tử hình những kẻ không tiếp nhận Ngài không? Khi Ngài bị dân của một làng Sa-ma-ri khinh thường, sứ đồ Giăng đầy phẫn nộ và thưa: 'Lạy Chúa, Chúa có muốn chúng con khiến lửa từ trời giáng xuống thiêu hủy họ, như Ê-li đã làm, chẳng?' Chúa Giê-xu nhìn môn đồ với lòng thương xót và quả trách tinh thần hà khắc của ông, phán: 'Con Người không đến để hủy diệt mạng sống loài người, nhưng để cứu họ.' Lu-ca 9:54, 56. Tinh thần của người tự xưng là đại diện Ngài khác hẳn với tinh thần mà Đấng Christ đã bày tỏ.

Giáo hội La Mã nay phô bày một vẻ ngoài tốt đẹp trước thế gian, che đậy hồ sơ những sự tàn bạo khủng khiếp của mình bằng những lời biện hộ. Bà ta đã khoác lên mình tấm áo mang dáng dấp Chúa Kitô; nhưng bà ta vẫn không đổi. Mọi nguyên tắc của chế độ giáo hoàng từng tồn tại trong các thời đại trước kia vẫn tồn tại ngày nay. Những giáo lý được đặt ra trong những thời kỳ tăm tối nhất vẫn còn được giữ. Chớ ai tự lừa dối mình. Chế độ giáo hoàng mà những người Tin Lành ngày nay sẵn sàng tôn vinh chính là chế độ đã cai trị thế giới vào thời kỳ Cải chánh, khi những người của Đức Chúa Trời đã đứng lên, liều cả mạng sống mình, để vạch trần sự gian ác của bà ta. Bà ta vẫn mang lòng kiêu ngạo và sự tự phụ hống hách như xưa, từng lần át các vua chúa và vương hầu, và đòi chiếm những đặc quyền của Đức Chúa Trời. Tinh thần của bà ta ngày nay cũng không kém phần tàn bạo và chuyên chế so với khi bà ta đã dập tắt tự do của con người và giết hại các thánh của Đấng Tối Cao.

Giáo hoàng quyền đúng như lời tiên tri đã tuyên bố: sự bội đạo của thời kỳ sau rốt. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3, 4. Một phần trong chính sách của nó là khoác lấy bộ mặt nào sẽ giúp hoàn thành mục đích của mình tốt nhất; nhưng bên dưới vẻ đổi màu của con tắc kè, nó che giấu nọc độc bất biến của con rắn. “Không nên giữ chữ tín với những kẻ dị giáo, cũng không với những người bị nghi là dị giáo” (Lenfant, tập 1, trang 516), nó tuyên bố. Há quyền lực này, mà hồ sơ suốt cả nghìn năm được viết bằng máu các thánh đồ, nay lại được thừa nhận là một phần của Hội thánh của Đấng Christ sao?

Người ta không phải vô cơ mà ở các nước theo đạo Tin Lành đã nêu lên nhận định rằng ngày nay Công giáo khác biệt với Tin Lành ít sâu rộng hơn so với trước kia. Đã có sự thay đổi; nhưng sự thay đổi ấy không phải ở quyền giáo hoàng. Quả thật, Công giáo giống với nhiều

phương diện của Tin Lành hiện nay, bởi vì Tin Lành đã suy đồi quá nhiều kể từ thời các nhà Cải cách.

Trong khi các hội thánh Tin Lành tìm kiếm sự chấp thuận của thế gian, lòng bác ái giả dối đã làm mù mắt họ. Họ chẳng thấy gì khác ngoài việc cho rằng nghĩ tốt về mọi điều ác là đúng, và như một kết cục tất yếu, rốt cuộc họ sẽ nghĩ xấu về mọi điều tốt. Thay vì đứng lên bênh vực đức tin đã một lần được truyền cho các thánh đồ, nay, cứ như thể, họ đang xin lỗi Rô-ma vì quan điểm thiếu bác ái của mình đối với Rô-ma, khẩn khoản xin tha thứ cho sự cuồng tín của họ.

Một tầng lớp đông đảo, thậm chí cả những người không có thiện cảm với Giáo hội La Mã, cũng hầu như không thấy nguy hiểm nào từ quyền lực và ảnh hưởng của nó. Nhiều người cho rằng bóng tối trí tuệ và đạo đức ngự trị trong thời Trung Cổ đã tạo thuận lợi cho sự lan rộng của các giáo điều, mê tín và sự áp bức của nó; và rằng trình độ hiểu biết cao hơn của thời hiện đại, sự phổ biến rộng rãi của tri thức, cùng với xu hướng ngày càng cởi mở trong các vấn đề tôn giáo, sẽ ngăn chặn sự phục hồi của tinh thần bất khoan dung và chuyên chế. Ngay ý nghĩ rằng một tình trạng như thế sẽ tồn tại trong thời đại khai sáng này cũng bị đem ra chế giễu. Đúng là ánh sáng lớn về trí tuệ, đạo đức và tôn giáo đang chiếu rọi trên thế hệ này. Trong những trang mở của Lời Thánh của Đức Chúa Trời, ánh sáng từ trời đã chiếu rọi khắp thế gian. Nhưng cần nhớ rằng ánh sáng được ban càng lớn, thì sự tối tăm của những kẻ bóp méo và khước từ nó càng sâu dày.

Một sự nghiên cứu Kinh Thánh trong tinh thần cầu nguyện sẽ cho người Tin Lành thấy rõ bản chất thật của Giáo hoàng chế và khiến họ ghê tởm và tránh xa nó; nhưng nhiều người tự cho mình là khôn ngoan đến nỗi họ cảm thấy không cần khiêm nhường tìm kiếm Đức Chúa Trời để được dẫn dắt vào lẽ thật. Dù tự hào về sự khai sáng của mình, họ lại dốt nát đối với cả Kinh Thánh lẫn quyền năng của Đức Chúa Trời. Họ phải có một phương tiện nào đó để làm yên lương tâm, và họ tìm kiếm điều ít có tính thuộc linh và ít hạ mình nhất. Điều họ mong muốn là một phương pháp quên Đức Chúa Trời mà lại được xem như một phương pháp nhớ đến Ngài. Giáo hoàng chế rất thích hợp để đáp ứng nhu cầu của tất cả những người như vậy. Nó được chuẩn bị cho hai hạng người trong nhân loại, bao trùm gần như cả thế giới—những kẻ muốn được cứu nhờ công đức của mình, và những kẻ muốn được cứu trong tội lỗi của mình. Đây là bí quyết quyền lực của nó.

Một thời kỳ u tối lớn về trí tuệ đã tỏ ra thuận lợi cho sự thành công của chế độ giáo hoàng. Rồi sẽ còn được chứng minh rằng một thời kỳ ánh sáng trí tuệ rực rỡ cũng thuận lợi không kém cho sự thành công của nó. Trong các thời đại trước, khi con người thiếu lời của Đức Chúa Trời và thiếu sự hiểu biết về lẽ thật, mắt họ bị bịt kín, và hàng ngàn người bị sa bẫy, không thấy chiếc lưới đã giăng dưới chân mình. Trong thế hệ này, có nhiều người bị lóa mắt bởi ánh chói lòa của những suy đoán của con người, “khoa học giả danh”; họ không nhận ra chiếc lưới và bước vào đó dễ dàng như thể bị bịt mắt. Đức Chúa Trời đã định rằng năng lực trí tuệ của con người phải được xem như một ân tặng từ Đấng Tạo Hóa và phải được dùng để phục vụ lẽ thật và sự công chính; nhưng khi lòng kiêu ngạo và tham vọng được nuôi dưỡng, và con người tôn cao các học thuyết của riêng mình lên trên lời của Đức Chúa Trời, thì trí tuệ có thể gây hại lớn hơn cả sự dốt nát. Vì thế, thứ “khoa học” giả dối của ngày nay, vốn làm suy yếu đức tin vào Kinh Thánh,

sẽ tỏ ra thành công không kém trong việc dọn đường cho sự tiếp nhận chế độ giáo hoàng, với những hình thức hấp dẫn của nó, như việc che giấu tri thức đã mở đường cho sự bành trướng của nó trong Thời Kỳ Tăm Tối.

Trong những phong trào hiện đang diễn ra ở Hoa Kỳ nhằm giành cho các thiết chế và tập tục của hội thánh sự hậu thuẫn của nhà nước, người Tin Lành đang bước theo dấu chân của phe giáo hoàng. Hơn thế nữa, họ đang mở đường cho giáo quyền La Mã giành lại tại nước Mỹ Tin Lành quyền tối thượng mà nó đã đánh mất ở Cựu Thế Giới. Và điều khiến phong trào này càng có ý nghĩa hơn là thực tế rằng mục tiêu chủ yếu được nhắm tới là việc cưỡng bách giữ ngày Chủ nhật — một tập tục bắt nguồn từ Rôma, mà Rôma coi là dấu hiệu thẩm quyền của mình. Chính tinh thần của giáo quyền La Mã — tinh thần thuận theo các tục lệ thế gian, tôn kính truyền thống loài người hơn các điều răn của Đức Chúa Trời — đang thấm vào các hội thánh Tin Lành và dẫn dắt họ làm cùng công việc đề cao ngày Chủ nhật mà giáo quyền ấy đã làm trước họ.

Nếu người đọc muốn hiểu những lực lượng sẽ được sử dụng trong cuộc xung đột sắp tới, thì chỉ cần lần theo các ghi chép về những phương tiện mà Rôma đã dùng cho cùng mục đích ấy trong các thời đại trước kia. Nếu muốn biết những người theo Giáo hoàng và những người Kháng Cách, khi liên minh lại, sẽ đối xử thế nào với những ai khước từ các giáo điều của họ, thì hãy xem thái độ mà Rôma đã tỏ ra đối với ngày Sa-bát và những người bênh vực nó.

Các sắc lệnh hoàng gia, các công đồng chung và những quy định của Giáo hội được quyền lực thế tục hậu thuẫn là những phương tiện nhờ đó lễ hội ngoại giáo giành được vị trí danh dự trong thế giới Kitô giáo. Biện pháp công khai đầu tiên buộc việc tuân giữ ngày Chủ nhật là đạo luật do Constantine ban hành (năm 321 sau Công nguyên). Sắc lệnh này yêu cầu dân thành thị nghi ngoi vào “ngày đáng tôn kính của Mặt Trời”, nhưng cho phép người nông thôn tiếp tục các hoạt động nông nghiệp. Tuy hầu như là một đạo luật ngoại giáo, nó vẫn được hoàng đế thi hành sau khi ông chấp nhận Kitô giáo trên danh nghĩa.

Vì sắc lệnh hoàng gia không đủ để thay thế cho thẩm quyền của Đức Chúa Trời, Eusebius, một giám mục tìm cách được lòng các vương công và là bạn thân cũng như kẻ nịnh bợ đặc biệt của Constantine, đã đưa ra luận điểm rằng Đấng Christ đã chuyển ngày Sa-bát sang Chủ nhật. Không có một lời chứng nào từ Kinh Thánh được đưa ra để chứng minh cho giáo lý mới ấy. Chính Eusebius, một cách vô tình, thừa nhận điều đó là sai và chỉ ra những tác giả thực sự của sự thay đổi. “Mọi điều,” ông nói, “bất kỳ điều gì vốn là bổn phận phải làm vào ngày Sa-bát, những điều ấy chúng ta đã chuyển sang Ngày của Chúa.” - Robert Cox, *Sabbath Laws and Sabbath Duties*, trang 538. Nhưng lập luận về ngày Chủ nhật, tuy vô căn cứ, lại khiến người ta thêm mạnh dạn chà đạp ngày Sa-bát của Chúa. Tất cả những ai mong được thế gian tôn vinh đều chấp nhận lễ hội phổ biến ấy.

Khi quyền giáo hoàng được củng cố vững chắc, việc tôn vinh ngày Chủ nhật vẫn tiếp diễn. Trong một thời gian, khi không đến nhà thờ, dân chúng vẫn làm việc đồng áng, và ngày thứ bảy vẫn được xem là ngày Sa-bát. Tuy nhiên, dần dần đã diễn ra một sự thay đổi. Những người trong hàng giáo sĩ bị cấm xét xử bất kỳ tranh chấp dân sự nào vào ngày Chủ nhật. Chẳng bao lâu sau, mọi người, bất kể địa vị, được lệnh phải kiêng làm các công việc thường ngày; nếu vi phạm thì người tự do bị phạt tiền, còn đầy tớ thì bị đánh roi. Về sau có sắc lệnh rằng người

giàu sẽ bị trừng phạt bằng việc mất một nửa tài sản; và cuối cùng, nếu vẫn ngoan cố thì họ sẽ bị biến thành nô lệ. Tầng lớp dưới phải chịu cảnh lưu đày vĩnh viễn.

Các phép lạ cũng được viện đến. Trong số các điều kỳ lạ khác, người ta thuật lại rằng khi một người nông dân, sắp sửa cày ruộng vào ngày Chủ nhật, lau chùi chiếc cày của mình bằng một thanh sắt, thì thanh sắt dính chặt vào tay ông, và suốt hai năm ông phải mang nó theo bên mình, 'khiến ông hết sức đau đớn và xấu hổ.'-Francis West, Luận thuyết Lịch sử và Thực hành về Ngày của Chúa, trang 174.

Về sau, giáo hoàng chỉ thị rằng cha xứ phải khiển trách những người vi phạm ngày Chủ nhật và khuyên họ đến nhà thờ đọc kinh cầu nguyện, kéo họ chuốc lấy tai ương lớn cho bản thân và hàng xóm. Một công đồng giáo hội đưa ra lập luận—vốn được dùng rộng rãi, ngay cả bởi người Tin Lành—rằng vì có người bị sét đánh khi lao động vào ngày Chủ nhật, nên đó hẳn là ngày Sa-bát. “Rõ ràng,” các giáo phẩm nói, “Thiên Chúa đã hết sức bất bình trước việc họ xem nhẹ ngày này.” Sau đó có lời kêu gọi rằng các linh mục và mục sư, các vua chúa và vương công, cùng toàn thể tín hữu “hãy hết sức nỗ lực và lưu tâm để ngày ấy được trả lại vinh dự của mình và, vì danh dự của Kitô giáo, được tuân giữ sốt sắng hơn từ nay về sau.”-Thomas Morer, Luận thuyết trong sáu cuộc đối thoại về tên gọi, khái niệm và việc giữ Ngày của Chúa, trang 271.

Vì các sắc lệnh của các công đồng tỏ ra không đủ, nên các nhà cầm quyền thế tục đã được khẩn cầu ban hành một chỉ dụ có thể gieo rắc nỗi kinh hoàng vào lòng dân chúng và buộc họ phải thôi lao động vào ngày Chủ nhật. Tại một công nghị họp ở Rôma, tất cả những quyết định trước đó đã được tái khẳng định với mức độ ràng buộc và sự trang trọng lớn hơn. Chúng cũng được đưa vào giáo luật và được các nhà chức trách dân sự thi hành khắp gần như toàn cõi Kitô giáo. (Xem Heylyn, History of the Sabbath, phần 2, chương 5, mục 7.)

Tuy vậy, sự thiếu vắng thẩm quyền Kinh Thánh cho việc giữ ngày Chủ nhật đã gây không ít lúng túng. Dân chúng đặt câu hỏi về quyền của các thầy dạy khi gạt bỏ lời tuyên bố minh nhiên của Giê-hô-va, 'Ngày thứ bảy là ngày Sa-bát của Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi,' để tôn vinh ngày của mặt trời. Để bù đắp sự thiếu vắng lời chứng Kinh Thánh, cần đến những phương sách khác. Một người nhiệt thành bênh vực ngày Chủ nhật, vào khoảng cuối thế kỷ mười hai đã thăm viếng các hội thánh ở Anh, đã bị những chứng nhân trung tín cho lẽ thật chống đối; và nỗ lực của ông vô hiệu đến nỗi ông rời khỏi xứ một thời gian và tìm kiếm mọi phương cách để áp đặt các giáo huấn của mình. Khi ông trở lại, chỗ thiếu ấy đã được bù đắp, và trong những công việc về sau ông đã đạt được thành công lớn hơn. Ông mang theo một cuộn sách được cho là đến từ chính Đức Chúa Trời, trong đó chứa đựng mệnh lệnh cần thiết cho việc giữ ngày Chủ nhật, kèm theo những lời đe dọa khủng khiếp nhằm làm khiếp sợ kẻ bất tuân. Tài liệu quý báu này—một đồ giả mạo đê tiện như chính thiết chế mà nó hậu thuẫn—được nói là đã rơi từ trời xuống và được tìm thấy tại Giê-ru-sa-lem, trên bàn thờ của Thánh Si-mê-ôn, tại Gô-gô-tha. Nhưng thật ra, cung điện giáo hoàng ở Rô-ma mới là nguồn gốc từ đó nó xuất phát. Những mưu gian và sự giả mạo nhằm gia tăng quyền lực và sự thịnh vượng của giáo hội, qua mọi thời đại, vẫn được hàng giáo phẩm giáo hoàng xem là hợp pháp.

Bản quy định cấm lao động từ giờ thứ chín, tức ba giờ chiều, vào chiều thứ Bảy, cho đến lúc mặt trời mọc vào thứ Hai; và uy quyền của nó được tuyên bố là đã được nhiều phép lạ xác

nhận. Người ta thuật lại rằng những ai lao động quá giờ quy định đều bị tê liệt. Một thợ xay tìm cách xay ngũ cốc của mình thì thấy, thay vì bột, một dòng máu tuôn ra, và bánh xe cối xay đứng im, mặc cho nước chảy xiết. Một người phụ nữ đặt bột vào lò, khi lấy ra thì thấy nó vẫn chưa chín, dù lò rất nóng. Một người khác đã chuẩn bị bột để nướng vào giờ thứ chín, nhưng quyết định để dành đến thứ Hai, thì hôm sau phát hiện nó đã được làm thành ổ và nướng chín bởi quyền năng thần thánh. Một người đàn ông nướng bánh sau giờ thứ chín vào ngày thứ Bảy, sáng hôm sau khi bê ra thì thấy máu chảy ra từ đó. Chính bằng những bịa đặt vô lý và mê tín như thế, những người bệnh vực ngày Chủ nhật đã cố gắng xác lập tính thiêng liêng của nó. (Xem Roger de Hoveden, *Annals*, tập 2, tr. 526-530.)

Ở Scotland, cũng như ở Anh, sự coi trọng lớn hơn đối với ngày Chủ nhật đã được củng cố bằng cách kết hợp vào đó một phần của ngày Sa-bát cổ xưa. Nhưng khoảng thời gian phải được giữ là thánh thì lại khác nhau. Một chỉ dụ của vua Scotland tuyên bố rằng 'Thứ Bảy từ mười hai giờ trưa phải được coi là thánh', và rằng không ai, từ thời điểm đó cho đến sáng Thứ Hai, được tham gia vào công việc thể tục. -Morer, trang 290, 291.

Nhưng bất chấp mọi nỗ lực nhằm thiết lập sự thánh khiết của ngày Chúa nhật, chính những người theo Giáo hoàng đã công khai thừa nhận uy quyền thần linh của ngày Sa-bát và nguồn gốc loài người của thiết chế đã thay thế nó. Vào thế kỷ thứ mười sáu, một công đồng giáo hoàng đã tuyên bố rõ ràng: "Hãy để mọi Cơ Đốc nhân nhớ rằng ngày thứ bảy đã được Đức Chúa Trời thánh hóa, và đã được tiếp nhận và tuân giữ, không chỉ bởi người Do Thái, mà còn bởi tất cả những người tự xưng là thờ phượng Đức Chúa Trời; dù chúng ta là Cơ Đốc nhân đã đổi ngày Sa-bát của họ thành Ngày của Chúa." - *Ibid.*, trang 281, 282. Những kẻ xuyên tạc luật pháp của Đức Chúa Trời không hề không biết rõ bản chất việc làm của mình. Họ cố ý đặt mình lên trên Đức Chúa Trời.

Một minh chứng nổi bật về chính sách của Giáo hội La Mã đối với những ai bất đồng với Giáo hội ấy được thể hiện qua cuộc bách hại kéo dài và đẫm máu nhắm vào người Waldenses, trong đó có những người giữ ngày Sa-bát. Những người khác cũng chịu khổ tương tự vì lòng trung thành của họ với điều răn thứ tư. Lịch sử các hội thánh ở Ethiopia và Abyssinia đặc biệt có ý nghĩa. Giữa bóng tối của Thời kỳ Tăm Tối, các tín hữu Cơ Đốc tại Trung Phi bị khuất khỏi tầm nhìn và bị thế giới quên lãng, và suốt nhiều thế kỷ họ được tự do thực hành đức tin của mình. Nhưng cuối cùng La Mã biết đến sự tồn tại của họ, và hoàng đế của Abyssinia chẳng bao lâu đã bị dẫn dụ đến chỗ thừa nhận giáo hoàng là đại diện của Đấng Christ. Những nhượng bộ khác cũng nổi tiếp.

Một sắc lệnh đã được ban hành, cấm việc giữ ngày Sa-bát với những hình phạt nghiêm khắc nhất. (Xem Michael Geddes, *Lịch sử Giáo hội Ethiopia*, trang 311, 312.) Nhưng ách chuyên chế của giáo hoàng chẳng bao lâu trở thành một cái ách quá hà khắc đến nỗi người Abyssinia quyết tâm trút bỏ nó khỏi cổ mình. Sau một cuộc đấu tranh khốc liệt, những người theo Giáo hội La Mã bị trục xuất khỏi lãnh thổ của họ, và đức tin cổ xưa được khôi phục. Các hội thánh vui mừng vì tự do của mình, và họ không bao giờ quên bài học họ đã học được về sự lừa dối, sự cuồng tín và quyền lực chuyên chế của La Mã. Trong vương quốc biệt lập của mình, họ bằng lòng ở lại, không được phần còn lại của thế giới Kitô giáo biết đến.

Các hội thánh ở châu Phi giữ ngày Sa-bát như Giáo hội La Mã đã giữ trước khi rơi vào sự bội đạo hoàn toàn. Trong khi họ giữ ngày thứ bảy vắng theo điều răn của Đức Chúa Trời, họ tránh lao động vào ngày Chủ nhật để phù hợp với tập tục của giáo hội. Khi đạt được quyền lực tối thượng, La Mã đã chà đạp ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời để tôn cao ngày của riêng mình; nhưng các hội thánh ở châu Phi, vốn ẩn khuất suốt gần một ngàn năm, đã không dự phần vào sự bội đạo này. Khi bị đặt dưới sự chi phối của La Mã, họ bị buộc phải gạt bỏ ngày Sa-bát thật và tôn cao ngày Sa-bát giả; nhưng ngay khi họ giành lại độc lập, họ liền trở về vắng giữ điều răn thứ tư.

Những ghi chép của quá khứ cho thấy rõ sự thù nghịch của Rôma đối với ngày Sa-bát chân thật và những người bảo vệ nó, cùng những phương sách mà bà dùng để tôn vinh thiết chế do chính bà lập nên. Lời Đức Chúa Trời dạy rằng những cảnh tượng này sẽ tái diễn khi người Công giáo La Mã và người Tin Lành hiệp lại để tôn cao ngày Chủ nhật.

Lời tiên tri ở Khải Huyền 13 tuyên bố rằng quyền lực được biểu tượng bởi con thú có sừng như chiên con sẽ khiến “đất và những người ở trên đó” thờ lạy giáo hoàng quyền—được tượng trưng ở đó bởi con thú “giống như con báo.” Con thú có hai sừng cũng sẽ nói “với những người ở trên đất rằng họ phải làm một hình tượng cho con thú;” và hơn nữa, nó sẽ truyền cho hết thảy, “cả nhỏ lẫn lớn, giàu và nghèo, tự do và tôi mọi,” phải nhận dấu của con thú. Khải Huyền 13:11-16. Đã được chỉ ra rằng Hoa Kỳ là quyền lực được tượng trưng bởi con thú có sừng như chiên con, và lời tiên tri này sẽ được ứng nghiệm khi Hoa Kỳ cưỡng bách việc giữ ngày Chủ nhật, điều mà Rôma cho là sự thừa nhận đặc biệt đối với quyền tối thượng của mình. Nhưng trong sự tôn kính dành cho giáo hoàng quyền này, Hoa Kỳ sẽ không đơn độc. Ảnh hưởng của Rôma tại các quốc gia từng thừa nhận quyền cai trị của Rôma vẫn còn lâu mới bị tiêu diệt. Và lời tiên tri báo trước sự phục hồi quyền lực của Rôma. “Tôi thấy một trong các đầu nó như bị thương đến chết; nhưng vết thương chí tử ấy đã được chữa lành; và cả thế gian lấy làm lạ mà theo con thú.” Câu 3. Việc giáng vết thương chí tử chỉ về sự sụp đổ của giáo hoàng quyền vào năm 1798. Sau đó, nhà tiên tri nói: “vết thương chí tử của nó đã được chữa lành; và cả thế gian lấy làm lạ mà theo con thú.” Phao-lô nói rõ ràng rằng “người tội ác” sẽ tồn tại cho đến kỳ tái lâm. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-8. Cho đến tận cuối cùng của thời gian, y sẽ tiếp tục công việc lừa dối. Và người khải thị cũng tuyên bố, khi nói về giáo hoàng quyền: “Hết thảy những kẻ ở trên đất sẽ thờ lạy nó, là những kẻ không có tên ghi trong sách sự sống.” Khải Huyền 13:8. Ở cả Tân Thế Giới lẫn Cựu Thế Giới, giáo hoàng quyền sẽ nhận sự tôn kính qua việc tôn vinh thiết chế ngày Chủ nhật, vốn chỉ dựa trên thẩm quyền của Giáo hội La Mã.

Kể từ giữa thế kỷ XIX, những người nghiên cứu về lời tiên tri tại Hoa Kỳ đã trình bày lời chứng này cho thế giới. Những sự kiện hiện đang diễn ra cho thấy một bước tiến nhanh hướng đến sự ứng nghiệm của lời tiên tri. Giữa các nhà giảng dạy Tin Lành cũng có cùng một lời khẳng định về thẩm quyền thần linh cho việc giữ ngày Chủ nhật, và cùng một sự thiếu vắng bằng chứng Kinh Thánh, như nơi các nhà lãnh đạo của giáo quyền La Mã, là những người đã bịa đặt các phép lạ để thay cho một điều răn của Đức Chúa Trời. Lời khẳng định rằng các sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên người ta vì họ vi phạm ngày Sa-bát Chủ nhật sẽ lại được lặp lại; hiện nay nó đã bắt đầu được thúc đẩy. Và một phong trào nhằm áp đặt việc tuân giữ ngày Chủ nhật đang nhanh chóng lan rộng.

Giáo hội La Mã thật đáng kinh ngạc về sự tinh khôn và xảo quyệt của mình. Bà có thể biết trước điều sẽ xảy đến. Bà kiên nhẫn chờ thời, vì thấy rằng các giáo hội Tin Lành đang tỏ lòng tôn phục bà qua việc chấp nhận ngày Sa-bát giả và đang chuẩn bị áp đặt nó bằng chính những biện pháp mà bà từng dùng thuở trước. Những kẻ khước từ ánh sáng của lẽ thật rồi sẽ tìm đến sự trợ giúp của quyền lực tự xưng là bất khả sai này để tôn cao một thiết chế do bà khởi xướng. Không khó để suy đoán rằng bà sẽ mau mắn đến tiếp tay cho người Tin Lành trong công việc này đến mức nào. Ai hiểu rõ cách đối phó với những kẻ bất tuân giáo hội hơn giới lãnh đạo giáo triều Rôma?

Giáo hội Công giáo Rôma, với mọi phân nhánh của mình trên khắp thế giới, hợp thành một tổ chức rộng lớn, đặt dưới quyền kiểm soát của Tòa Thánh và được thiết lập để phục vụ lợi ích của Tòa Thánh. Hàng triệu tín hữu của Giáo hội, ở mọi quốc gia trên toàn thế giới, được dạy phải coi mình ràng buộc trong sự trung thành với Đức Giáo hoàng. Bất kể quốc tịch hay chính quyền của họ ra sao, họ phải coi thẩm quyền của Giáo hội là trên hết mọi thẩm quyền khác. Cho dù họ có thể tuyên thệ trung thành với nhà nước, thì đằng sau đó vẫn là lời khấn vâng phục Rôma, miễn trừ họ khỏi mọi cam kết nào thù nghịch với lợi ích của Giáo hội.

Lịch sử làm chứng cho những nỗ lực khéo léo và bên bí của bà ta nhằm len lỏi vào các công việc của các quốc gia; và khi đã giành được chỗ đứng, tiếp tục thúc đẩy những mục tiêu riêng của mình, cho dù dẫn đến sự diệt vong của các vương công và dân chúng. Năm 1204, Giáo hoàng Innocent III đã buộc Peter II, vua xứ Arragon, phải thề một lời thề khác thường sau đây: “Ta, Peter, vua của người Arragon, tuyên xưng và hứa sẽ luôn trung thành và vâng phục chúa thượng của ta, Giáo hoàng Innocent, các vị kế vị Công giáo của ngài, và Giáo hội La Mã, và sẽ trung tín giữ cho vương quốc của ta ở trong sự vâng phục ngài, bảo vệ đức tin Công giáo, và bách hại lạc giáo đồi bại.” - John Dowling, Lịch sử Chủ nghĩa La Mã, quyển 5, chương 6, mục.

55. Điều này phù hợp với những tuyên bố về quyền lực của Giáo hoàng La Mã 'rằng ông có quyền phế truất các hoàng đế' và 'rằng ông có thể giải trừ thần dân khỏi lòng trung thành đối với những nhà cầm quyền bất chính.'-Mosheim, b. 3, cent. 11, pt. 2, ch. 2, sec. 9, note 17.

Và hãy nhớ rằng, Rôma vẫn tự hào rằng mình không bao giờ thay đổi. Những nguyên tắc của Gregory VII và Innocent III vẫn là những nguyên tắc của Giáo hội Công giáo La Mã. Và chỉ cần có quyền lực, Giáo hội sẽ đem những nguyên tắc ấy ra thực hành với sự quyết liệt không kém gì các thế kỷ trước. Người Tin Lành ít hiểu họ đang làm gì khi chủ trương chấp nhận sự hỗ trợ của Rôma trong việc tôn cao ngày Chủ nhật. Trong khi họ quyết tâm đạt cho bằng được mục tiêu của mình, Rôma lại nhằm tái lập quyền lực, giành lại địa vị tối thượng đã mất. Chỉ cần một khi nguyên tắc này được thiết lập tại Hoa Kỳ—rằng Giáo hội có thể sử dụng hoặc kiểm soát quyền lực của nhà nước; rằng các việc thực hành tôn giáo có thể được cưỡng chế bằng luật đời; tóm lại, rằng quyền bính của giáo hội và nhà nước sẽ thống trị lương tâm—thì chiến thắng của Rôma trên đất nước này là điều chắc chắn.

Lời của Đức Chúa Trời đã cảnh báo về mối nguy hiểm đang cận kề; nếu điều này bị phớt lờ, thì thế giới Tin Lành sẽ chỉ biết các mục đích thật sự của Rôma là gì khi đã quá muộn để thoát khỏi cạm bẫy. Nó đang âm thầm gia tăng quyền lực. Các giáo lý của nó đang phát huy ảnh hưởng trong các hội trường lập pháp, trong các nhà thờ, và trong lòng người. Nó đang dựng lên những công trình cao vợi và đồ sộ của mình, và trong những góc ngách bí mật của chúng, các

cuộc bách hại trước kia của nó sẽ được lặp lại. Một cách lén lút và khó ai ngờ, nó đang cùng cố lực lượng để theo đuổi các mục đích riêng khi thời điểm đến để ra tay. Điều nó mong muốn chỉ là một vị thế thuận lợi, và điều này đang được dành cho nó rồi. Chẳng bao lâu chúng ta sẽ thấy và sẽ cảm nhận mục đích của yếu tố Rôma là gì. Ai tin và vâng theo Lời Đức Chúa Trời sẽ vì thế mà chuốc lấy sự sỉ nhục và bách hại. Đại Tranh Chiến, 563-581.